

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất chuyên khoa Răng hàm mặt 2026-2028 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hóa theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá gói thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hóa chất chuyên khoa Răng hàm mặt 2026-2028.

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.
- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 07/05/2026.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.
- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email (Tiêu đề mail theo cấu trúc: Baogia-RHM_2026-2028_Tên Công ty)

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế; Địa chỉ: số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 38.119.936; Di động: 0909.594.107 (Ds.Thanh An).

- Email: hoachat.bvtb@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC



Bs. CKII. Võ Văn Hùng

Tên công ty:
 Địa chỉ:
 MST:
 Điện thoại liên hệ:

DANH MỤC HÀNG HÓA BẢO GIÁ
 Bệnh viện Đa khoa Tân Bình

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU				DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY													
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
1	Algemat lấy dầu loại chậm	Algemat lấy dầu loại chậm dùng trong nha khoa Dùng để lấy dầu phục hình Thành phần: Bột Algemat Bột có màu, đòi màu khi trộn. Thời gian trộn: 45 giây ± 5 giây, thời gian trung hợp tối đa 1 phút 35 giây ± 5 giây. Có mùi hương dễ chịu. Quy cách: Gói ≥ 453g.	Gói	25													
2	Thạch cao cứng	Thạch cao cứng dùng trong nha khoa. Dùng để đổ mẫu hàm trong làm phục hình cố định, phục hình tháo lắp hàm khung. Thành phần: Bột thạch cao. Trong lượng: ≤ 1kg Dạng bột, khô ráo, không bị vón cục. Trộn với nước để đổ mẫu.	Kg	31													
3	Cao su lấy dấu loại nặng	Cao su lấy dấu loại nặng dùng trong nha khoa. Dùng để lấy dấu phục hình cố định (mào, cầu.) và phục hình tháo lắp. Dạng dẻo. Thời gian làm việc bên ngoài: 2 phút ± 1 phút. Thời gian làm việc bên trong miệng: 3 phút ± 1 phút. Quy cách đóng gói: 1 cặp/hộp gồm: 1 hủ base (chất nền) ≥ 250ml + 1 hủ catalyst (chất xúc tác) ≥ 250ml. Không mùi. Trộn bằng tay.	Cặp	20													
4	Cao su lấy dấu loại nhẹ	Cao su lấy dấu loại nhẹ dùng trong nha khoa Dùng để lấy dấu phục hình cố định (mào, cầu.) và phục hình tháo lắp. Dạng lỏng. Quy cách đóng gói: 1 cặp/hộp gồm: 1 tủy base (chất nền) ≥ 90ml + 1 tủy catalyst (chất xúc tác) ≥ 90ml. Trộn bằng tay. Không mùi.	Cặp	24													

DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N Đ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
5	Chỉ co nước có chất cầm máu	Chỉ co nước dùng để tách nước trước khi lấy đầu cùi răng, tách nước tương hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mào răng, cũng như trước khi gắn mào răng, kiểm soát dưới nước trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng. - Chỉ được làm chất co mạch cầm máu. - Sợi chỉ dài ≥ 244 cm, đặt bên trong lọ, để dang kéo sợi chỉ ra khỏi lọ, khi ấn dây nắp lọ thì sợi chỉ được cắt đứt dễ dàng. - Nắp lọ chắc chắn, gắn với thân lọ. Đầu chỉ luôn luôn nằm trong nắp lọ cạnh dao cắt và không bị rơi vào trong lọ sau khi cắt. - Thước đo và lưới dao cắt tích hợp trên lọ. - Tối thiểu có các kích cỡ: 000, 00, 0, 1, 2.	Lọ	29														
6	Mũi mài đá	Mũi mài bằng đá dùng trong nha khoa. Dùng để mài làm giả nhựa, răng nhựa. Phân tác dụng: làm bằng đá, có các độ thô khác nhau tương ứng với màu xanh, hồng hoặc tương tự. Hình dạng: hình búp lư: dài: $12\text{mm} \pm 1\text{mm}$, 1 đầu nhọn, đường kính vị trí lớn nhất: $6\text{mm} \pm 1\text{mm}$ Cán: hình trụ, dài: $3.5 \text{ cm} \pm 0.5\text{cm}$, làm bằng thép không gỉ, gắn vừa tay khoan chậm đầu thẳng.	Mũi	11														
7	Xi măng gắn tạm không Eugenol	Xi măng gắn tạm không Eugenol dùng để gắn tạm các loại phục hình: cầu, mào, phục hình tạm. - Thành phần chính: kền oxid không chứa eugenol. - Quy cách đóng gói gồm: 1 ống base (chất trộn) và 1 ống Catalyst (hỗn hợp xúc tác) - Hòa trùng hợp - Sản phẩm tương thích với vật liệu làm cầu, mào tạm, xi măng nhựa, và vật liệu tái tạo cùi composite - Độ dính tốt, dễ dàng làm sạch khi gắn xi măng sau cùng. - Dễ dàng loại bỏ xi măng dư.	Hộp	13														

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
8	Xi măng gắn vĩnh viễn không chứa nhựa	Xi măng gắn vĩnh viễn Fujii I hoặc tương đương; Dùng để gắn kết thực cho mào răng – cầu răng kim loại, inlay – onlay – chốt kim loại và toàn sứ. Còn dùng để trám lót. - Thành phần: là GIC (xi măng thủy tinh ionomer hóa trạng hợp) không chứa Resin. - Gôm: bột thủy tinh và dung dịch dễ phối trộn. - Quy cách: Hộp gồm 1 lọ bột $\geq 30g$ + 1 lọ dung dịch phối trộn, có kèm miếng trộn và muỗng. - Phù hợp với phục hình còn tủy sống.	Hộp	6														
9	Xi măng gắn vĩnh viễn có chứa nhựa	Xi măng gắn vĩnh viễn Fujii Plus hoặc tương đương; Dùng để gắn kết thực cho mào răng – cầu răng kim loại, inlay – onlay – chốt kim loại và toàn sứ. Còn dùng để trám lót. - Thành phần: là RMGIC (xi măng thủy tinh ionomer tăng cường nhựa). - Gôm: bột thủy tinh và dung dịch dễ phối trộn. Quy cách: Hộp gồm 1 lọ bột $\geq 15g$ + 1 lọ dung dịch phối trộn + 1 lọ chất điều hòa (nếu có), có kèm miếng trộn và muỗng.	Hộp	8														
10	Còn phụ các cỡ	Vật liệu hỗ trợ trám bit ăng tủy (Còn phụ) được sử dụng sau cây còn chính để trám bit bổ sung cho ăng tủy. - Thành phần: Gutta Percha - Kích thước, hình dáng và độ thuận khác nhau tương ứng loại A, B, C, D. Đầu chóp tròn. - Cán quang - Tuồng tương với các loại trám tay	Cây	1,140														
11	Xi măng trám bit ăng tủy có thành phần kháng viêm	Xi măng trám bit ăng tủy Endomethasone hoặc tương đương, dùng kết hợp với cone chính gutta percha và cone phụ để trám bit ăng tủy trong điều trị nội nha. - Thành phần: Xi măng nội nha trên nền kẽm oxid có chứa corticoid. - Quy cách: Lọ $\geq 14g$. - Sử dụng kết hợp với dung dịch eugenol. - Có tính tương hợp sinh học và được mô quanh chóp dung nạp tốt - Cán quang	Lọ	8														

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU										DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY									
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/N D-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
12	Canxi nội nha	Dùng trong nha khoa Dùng để băng thuốc trong ống tủy (trong điều trị nội nha). Chứa Canxi Hydroxide, dạng paste, độ chảy lỏng vừa phải để có thể bơm vào ống tủy và không quá chóp. Tuýp ≥ 1.5g hoặc tuýp ≥ 1,2ml, có đầu bơm kèm theo. Sử dụng trực tiếp, không cần pha trộn. Có cân quang	Tuýp	36															
13	Cọ Bond nha khoa	Cọ tằm bông chuyên dùng để bôi keo trám răng vào xoang cần trám dùng trong trám răng. - Chất liệu: cán nhựa, đầu bôi keo bằng bông tròn nhỏ, không bị tưa mòn. - Có các kích thước: siêu mịn, mịn, trung bình. - Sử dụng 1 lần.	Cây	6,900															
14	Composite đặc các màu	Là vật liệu composite dạng đặc, quang trường hợp, dùng trám vùng răng trước và sau. - Dạng tuýp, trọng lượng ≥ 3g. - Nhiều màu: A1, A2, A3, A3.5, A4 (hoặc 05 mức màu tương đương). - Cân quang. - Độ co sau khi trùng hợp thấp. - Có khả năng chống mài mòn tốt, bền theo thời gian, chịu lực tốt. - Không dính dụng cụ trám, không bị chảy khi đang sử dụng. - Dễ dàng đánh bóng và điều khác.	Tuýp	202															
15	Đặt đánh bóng composite hình nụ	Dùng để đánh bóng miếng trám composite. - Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa. - Hình dạng phần đầu: hình nụ nhọn (hoặc ngọn lửa). - Gắn vừa đầu khuỷu tay khoan chặm. - Chỗ nối giữa phần thân và đầu mũi phải chắc chắn, không bị bung, sứt, gãy.	Cái	235															

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
16	Đại kim loại	Dùng trong nha khoa Đại kim loại dùng để tách kết, tạo hình mặt bên trong trám xoang II. Độ dày ≤ 0,4mm, rộng: 6,5 mm ± 0,5mm, dài ≥ 65mm, 1 bờ cong lõm, 1 bờ cong lồi phù hợp với hình thể cổ răng nhỏ, thân răng lớn, giúp ôm sát răng về phía trước. Bề mặt nhẵn, mịn, không bám dính, dễ vệ sinh. Các bờ, cạnh, góc được bo tròn, trơn láng, không sắc bén, không gây tổn thương cho nướu. Miền dẻo, dễ uốn cong, dễ sử dụng Có thể hấp tái sử dụng	Sợi	186													
17	Đại danh bóng composite hình đĩa	Dùng để đánh bóng miếng trám composite. - Chất liệu: phân dầu bằng silicone, phân thân bằng nhựa. - Hình dạng phần đầu: hình đĩa. - Gắn vừa đầu khuỷu tay khoan chặm. - Chỗ nối giữa phần thân và đầu mũi phải chắc chắn, không bị bung, nứt, gãy.	Cái	360													
18	Etching nha khoa	Dùng xoi mòn men và ngà trước khi dán, dùng trong trám composite. - Dạng gel. - Chứa 35% axít phosphoric (H3(PO4) ± 2%. - Dạng tuýp ≥ 3g, có kèm đầu bơm. - Hiệu quả xoi mòn tốt bề mặt men răng, ngà răng. - Không bị khô cứng khi chứa sứ đang.	Tuýp	70													
19	Xi măng trám dự phòng	Xi măng trám dự phòng Fuji 7 hoặc tương đương. Dùng trám bít hố răng, phòng ngừa sâu răng cho trẻ em và người có nguy cơ cao sâu răng. - Thành phần: là GIC (xi măng thủy tinh ionomer hóa trùng hợp), không chứa Resin. - Gắn: bột thủy tinh và dung dịch để phối trộn. - Có khả năng phóng thích Fluoride cao sau khi trám. - Màu sắc xi măng trám: màu trắng. - Có cân quang. - Quy cách: Hộp gồm 1 lọ bột ≥ 15g + 1 lọ dung dịch phối trộn + 1 lọ chất điều hòa (nếu có), có kèm miếng trộn và muỗng.	Hộp	8													

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU										DANH MỤC BAO GIÁ CỦA CÔNG TY									
STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
20	Xi măng trám hoàn tất	Xi măng trám hoàn tất Fuji 9 hoặc tương đương. Dùng để trám xoang I, II ít chịu lực, trám tái tạo cùi. - Thành phần: là GIC (xi măng thủy tinh ionomer hóa trùng hợp), không chứa Resin. - Gồm: bột thủy tinh và dung dịch để phối trộn. - Màu: A3, A3.5 - Có cản quang - Quy cách: Hộp gồm 1 lọ bột ≥ 15g bột + 1 lọ dung dịch phối trộn, có kèm miếng trộn và muỗng.	Hộp	E															
21	Mũi khoan kim cương nha khoa	Dùng trong nha khoa Chất liệu: titan mũi khoan bằng thép không gỉ, phần làm việc phủ kim cương, hạt kim cương có nhiều mức độ: mịn, thô. Mũi khoan trong thích với tay khoan tốc độ nhanh 04 lỗ. Dùng để tạo xoang trám, điều chỉnh miếng trám sau khi trám xong, mài cùi răng, tiểu phẫu răng. Tổng chiều dài của mũi khoan: có đủ các cỡ 19mm, 21mm, 25mm. Phần tác dụng: tối thiểu 50 loại (ít nhất phải có các hình dạng cơ bản sau: tròn, trụ đầu bằng, trụ nhọn, trụ thuôn, ngọn lưa, búp lưa). Độ thô: nhiều độ thô mịn khác nhau. Có hàng mẫu thực tế để lựa chọn hình dạng, kích cỡ mũi khoan cụ thể (catalogue) trước khi đặt hàng. Không bị hư hỏng, không bị rỉ sét khi ngâm rửa với hóa chất khử khuẩn và hấp tiệt khuẩn.	Mũi	1,630															
22	Vaseline	Dùng để ly chống mất nước sau trám răng. - Thành phần: Vaseline - Quy cách: lọ ≥ 20g	Lọ	58															
23	Nhiệm kê	Dùng để đánh bóng tiếp xúc mặt bên sau khi trám. - Sợi kim loại gồm 1 mặt láng và 1 mặt có phủ các hạt mài mòn oxit nhôm. - Chiều ngang: 3,3mm - 4,0mm - Có đủ các cỡ: 50µm, 70µm, 90µm, 140µm. - Có thể hấp tái sử dụng.	Sợi	120															

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU



DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo NB 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (BVT; đồng)	Thành tiền (BVT; đồng)
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
24	Keo dán 2 bước nha khoa	Keo dán 2 bước nha khoa dùng sau bước soi mòn bằng axit và trước bước dùng composite để trám răng, giúp tăng độ kết dính của vật liệu trám vào men răng. - Dạng keo. - Trọng lượng $\geq 5g/ 10$ hoặc $\geq 5ml/ 10$	Lọ	81													
25	Chổi đánh bóng nha khoa	Chổi cước dùng trong nha khoa. - Gắn vừa đầu khay/ tay khoan chậm. - Cán chốt: bằng vật liệu thép không rỉ, giết chất lỏng. - Trên cán chổi gắn nhiều sợi cước màu trắng, các sợi cước xếp thành bó. Công dụng: Dùng chung với bộ đánh bóng để đánh bóng sau cao với, làm sạch răng trước trám.	Cái	6,336													
26	Kim gây tê nha khoa	Kim gây tê nha khoa loại 27G. Đầu kim rất nhọn, bền, phù hợp vùng gây tê, dễ uốn cong. Chiều dài: 21mm. Đường kính: 0,4mm Vỏ trung, dùng 1 lần. Gắn vừa với ống chính inox nha khoa.	Cây	5,200													
27	Mũi mài xương	Dùng trong nha khoa Mũi khoan HP8 đầu tròn hoặc tương đương, dùng để mài xương. Vật liệu: tungsten carbide hoặc thép cường lực Dùng cho đầu thẳng tay cầm Sử dụng được nhiều lần. Không bị hư hỏng, không bị rỉ sét khi ngâm rửa với hóa chất khử khuẩn và hấp tiệt khuẩn	Mũi	30													
28	Mũi khoan cắt xương, cắt răng	Dùng trong nha khoa. Mũi khoan HP 702 tru đầu bằng hoặc tương đương, dùng để cắt xương, cắt răng. Vật liệu: tungsten carbide hoặc thép cường lực. Là loại mũi cán dài dùng cho đầu thẳng tay khoan chậm. Bền, bền, ít bị mài mòn, sử dụng được nhiều lần. Không bị hư hỏng, không bị rỉ sét khi ngâm rửa với hóa chất khử khuẩn và hấp tiệt khuẩn.	Mũi	410													

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)
29	Ông hút nước bọt	Ông hút nước bọt dùng trong nha khoa Dùng để hút nước bọt Bằng nhựa dẻo, không độc hại, có lõi kim loại nhỏ bên trong để cố định cho việc uốn và tạo hình. Phần đầu ống hút được gắn chặt vào thân ống hút, không bị sút. Dùng 1 lần. Tương thích với ống hút ghê nha khoa Marus, Sternweber S220 TR, HDX Sky.	Cái	14,900													
30	Sáp lá	Dùng trong nha khoa. Dùng để lấy dấu khớp cắn, làm gò sáp, sáp răng giả. Miếng hình chữ nhật, màu hồng, kích thước 15 (±3) x 7,5 (±3) x 0,2 (± 0,1) (cm). Dẻo, có thể làm mềm bằng nhiệt độ, không bị biến dạng ở nhiệt độ phòng. An toàn và không gây hại cho sức khỏe của bệnh nhân.	Lá	240													
31	Chi nha khoa có sáp	Chi nha khoa làm sạch răng, lấy màng bám trên răng và kẽ giữa các răng, lấy vật liệu trám dư trong thủ thuật trám răng. - Chất liệu: sợi nylon, có sáp. - Cấu tạo: Sợi chỉ dạng mảnh, đơn sợi, trơn, để trượt qua các kẽ răng. - Chiều dài cuộn ≥ 40 m. - Có dao cắt tích hợp sẵn trên hộp, dao sắc bén, dễ dàng cắt đứt chỉ. Dao cắt được gắn chắc chắn trong hộp, không bị lỏng, sút. - Đầu chỉ luôn luôn nằm trên bề mặt hộp, cạnh dao cắt, không bị tụt vào bên trong hộp.	Cuộn	23													
32	Giấy cắn 2 mặt lấy dấu khớp răng	Giấy cắn chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ. Mỏng, mịn, có độ dai và kháng rách rất tốt. Ghi dấu một cách chính xác các điểm chạm khớp. Màu sắc bền vững, ít gây dính nhiễm màu trên miệng, găng tay hoặc dụng cụ thao tác. Độ dày: ≤ 40µm. Màu sắc: 2 mặt màu đỏ. Hai mặt tác dụng.	Lá	240													

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU

DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
33	Trần gại nội nha các cỡ	Dùng trong nha khoa Có nhiều gai sắc bên xếp dọc theo chiều dài trần, dùng để lấy mô tủy và các mảnh vụn còn lại trong ống tủy. Các gai giúp giữ chặt các mô khi rút ra. Vật liệu: thép không rỉ. Mặt cắt: hình tam giác. Có nhiều gai nhọn. Chiều dài: có đủ các cỡ 21mm, 25mm, 28mm, 31mm. Đường kính: có tất cả các mã màu (với đường kính tương ứng): trắng, vàng, đỏ, xanh dương, xanh lá, đen.	Cái	1,290															
34	Trần mong đĩa tay nội nha dài 21mm các số	Dùng cụ nội nha có các rãnh xoắn đều quanh thân trần dùng để mở rộng và tạo hình ống tủy, làm sạch thành ống tủy. Dễ uốn cong, tay cầm nhựa chống trượt, chịu nhiệt, có thể hấp tái sử dụng. - Sử dụng bằng tay. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình vuông, hình tam giác. + Canh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy giúp thành ống tủy trơn láng - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: có các cỡ số 8,10,15,20,25,30,35,40. + Mặt cắt hình tam giác: có các cỡ số 4,5,50, 55, 60, 70, 80. - Chiều dài: 21mm - Dẻo, dễ uốn cong.	Cái	1,326															

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)		
35	Trâm nong đĩa tay nội nha dài 25mm các số	Dùng cụ nội nha có các răng xoắn đều quanh thân trám dùng để mở rộng và tạo hình ống tủy, làm sạch thành ống tủy. Để uốn cong, tay cầm nhựa chống trượt, chịu nhiệt, có thể hấp tái sử dụng. - Sử dụng bằng tay. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình vuông, hình tam giác. + Cảnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chóp ống tủy giúp thành ống tủy trơn láng - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: có các cỡ số 8,10,15,20,25,30,35,40. + Mặt cắt hình tam giác: có các cỡ số 4,5,50,55,60,70,80. - Chiều dài: 25mm - Đeo, để uốn cong.	Cái	864															
36	Trâm nong đĩa tay nội nha dài 31mm các số	Dùng cụ nội nha có các răng xoắn đều quanh thân trám dùng để mở rộng và tạo hình ống tủy, làm sạch thành ống tủy. Để uốn cong, tay cầm nhựa chống trượt, chịu nhiệt, có thể hấp tái sử dụng. - Sử dụng bằng tay. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình vuông, hình tam giác. + Cảnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chóp ống tủy giúp thành ống tủy trơn láng - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: có các cỡ số 8,10,15,20,25,30,35,40. + Mặt cắt hình tam giác: có các cỡ số 4,5,50,55,60,70,80. - Chiều dài: 31 mm - Đeo, để uốn cong.	Cái	60															
37	Côn giấy cỡ 25	Dùng trong nha khoa Dùng trong điều trị tủy (lau khô ống tủy, chuẩn bị trám bít ống tủy) Cỡ số 25. Thấm hút nhanh, độ dẻo cứng, không bị gãy đầu, gãy thân, cong thân.	Cây	2,400															

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU

DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Kỳ mã hiệu	Nhân hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
38	Cân Protaper hoặc tương đương	Dùng trong nha khoa Vật liệu trám bít ống tủy protaper hoặc tương đương, được sử dụng sau khi tạo hình ống tủy với trạm tay nội nha niti. Đi các cỡ F1, F2, F3 Có vạch đo chiều dài trên thân cone. Cân quang.	Cây	2,460													
39	Vật liệu trám tạm không Eugenol	Vật liệu trám tạm dùng trong nha khoa. Dùng trong các điều trị trám răng tạm thời, chữa răng, trám theo dõi xoang sâu răng và chữa tủy răng. - Dạng dẻo, không cần trộn, tự đông cứng trong môi trường miệng. - Không chứa Eugenol. - Màu trắng. - Trọng lượng: ≥ 30g	Lọ	32													
40	Vật liệu bôi trơn và loại bỏ vôi hóa dạng lỏng	Dùng trong nha khoa Dùng trong điều trị nội nha, giai đoạn sơ soạn ống tủy, dùng dịch bơm rửa ống tủy, dùng trong ống tủy bị canxi hóa, ống tủy nhỏ, tắc Dạng lỏng, chai ≥ 100ml, chứa 17% EDTA	Chai	10													
41	Vật liệu bôi trơn và loại bỏ vôi hóa dạng gel	Dùng trong nha khoa Dùng trong điều trị nội nha, giai đoạn sơ soạn ống tủy, tác dụng bôi trơn, loại bỏ các chất vôi cơ, ..dùng trong ống tủy bị canxi hóa, ống tủy nhỏ, tắc,.... Dạng gel. Tuyp ≥ 3 gram, chứa 17 - 19% EDTA, có đầu bơm. Không bị khô, cứng khi chưa sử dụng hết tuyp.	Tuyp	43													
42	Dùng cu đưa thuốc vào ống tủy	Dùng trong nha khoa Dùng để đưa thuốc vào trong ống tủy. Vật liệu: thép không rỉ. Đài: 21mm. Size: 25. Gắn vừa đầu khay tay khoan chậm.	Cây	44													



DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
43	Composite lỏng các màu	<p>La vật liệu composite dạng lỏng, quang trung hợp, có cân quang, dùng để trám răng trước và răng sau, trám cổ răng, trám lót, che cùi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng tuýp $\geq 2g$, có kèm đầu bơm - Nhiều màu: A2, A3, A3.5 (hoặc 03 mức màu tương đương) - Dạng lỏng. - Độ co sau khi trung hợp thấp. - Dễ dàng len lõi vào khe, rãnh, rãnh, và không bị tự chảy ra khỏi ống đưng khi không sử dụng, không bị vón cục. - Không bị bọt. 	Tuýp	140														
44	Vật liệu chống ê buốt	<p>Dùng trong nha khoa</p> <p>Chống nhạy cảm khi mài cùi, tẩy trắng, mòn cổ răng, trước khi gắn cement, sau khi cạo vôi.</p> <p>Dạng lỏng, lọ $\geq 5ml$.</p> <p>Thành phần chính HEMA (2-hydroxyethyl methacrylate) và có thể thêm một số thành phần khác.</p>	Lọ	4														
45	Chăm gõ dùng trong nha khoa	<p>Vật liệu: gỗ</p> <p>Dùng trong nha khoa</p> <p>Công dụng: tách kê răng, dùng trong trám xoang II, dùng chung với dụng cụ giữ khuôn và khuôn trám, giữ vòng dụng cụ giữ khuôn trám, giúp tạo đường viền và hình dạng vùng cổ răng.</p> <p>Thiết diện hình tam giác nhọn, bề mặt nhẵn, láng, không xù xì.</p> <p>Có đủ các cỡ.</p>	Cái	500														
46	Vật liệu che tủy có chiếu đèn	<p>Dùng để lót nền trước khi trám, che tủy trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chính: canxi hydroxyde - Dạng sệt, khi chiếu đèn có độ cứng cao. - Sử dụng trực tiếp, không cần pha trộn (bơm trực tiếp vào xoang trám, sau đó chiếu đèn) - Dạng tuýp $\geq 1ml$, có kèm đầu bơm. 	Tuýp	30														
47	Sò đánh bóng nha khoa	<p>Bột đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau cạo vôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trọng lượng: 2g/cái $\pm 0.5g$ - Dạng bột nhào. - Loại bỏ vết bẩn, độ bóng cao và dễ dàng rửa sạch. - Đóng gói kín trong cốc (sò) riêng biệt. - Không mùi hoặc mùi dễ chịu. 	Cái	7.200														

STT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Kỳ mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)	
A	B	C	D	E	1(*)	2(*)	3(*)	4(*)	5(*)	6(*)	7(*)	8	9(*)	10(*)	11(*)	12(*)	13(*)	
53	Mũi khoan mở rộng miệng ống tùy dùng tạo chỗ đặt chốt	Mũi khoan mở rộng miệng ống tùy dùng tạo chỗ đặt chốt tương đương mũi Peeso - Dùng để chuẩn bị nơi đặt chốt nội nha. - Chất liệu thép không gỉ - Thân dài, phần đầu cắt có hình trụ tròn nhon dần. Có các cạnh sắc chày dọc theo thân mũi để nạo và làm rộng ống tùy - Kích thước đầu mũi từ nhỏ tới lớn. - Có đầy đủ các size: 1,2,3,4,5,6. - Có số vạch trên cán phân biệt size dễ dàng - Chiều dài: có đủ các loại 28mm (chiều dài đầu tác dụng 6,5mm), 32mm (chiều dài đầu tác dụng 8,5mm), 38mm (chiều dài đầu tác dụng 8,5mm) - Dùng cho đầu khủy tay khoan chậm.	Cái	48														
54	Xi lanh bơm cao su lòng	Ông bơm cao su lòng dùng trong nha khoa. Được dùng trong quá trình lấy dấu bằng cao su lòng. Chất liệu: nhựa. Dễ sử dụng và làm sạch. Một bộ gồm: 01 ống bơm và vòi đi kèm.	Cái	10														
55	Dai nhựa Cellulose	Dùng để tách kê trám răng. Chất liệu: nhựa Độ dày: 0,03-0,05 mm Kích thước: 10 x 1 (cm), bề mặt nhẵn, không bám dính	Sợi	1.000														
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)																		

- Hiện lực của báo giá: từ ngày 6 tháng kể từ ngày 07/05/2026

Ngày tháng năm 2026
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- * Ghi chú:
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng.
 - Danh mục có 55 là Công ty bảo giá phải cung cấp đủ các thông tin theo từng lô trong danh mục.
 - Giá ở cột 12 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
 - Các cột có dấu (*) là các cột buộc phải có thông tin, để người công ty bảo đầy đủ.